

TP. S, ngày 07 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST/HNGĐ ngày 30/01/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mộng T**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bi đơn: Ông **Trần T1**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số 580/61, đường T, khóm H, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/4/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/4/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Mộng T và ông Trần T1 thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng T và ông Trần T1 thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Sau khi ly hôn bà Trần Thị Mộng T và ông Trần T1 thống nhất giao Trần Thị Minh T2, sinh ngày 15/9/2013; Trần Hữu T3, sinh ngày: 21/6/2015 cho ông Trần T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2, cháu T3 đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Mộng T không cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 15/9/2013; Trần Hữu T3, sinh ngày: 21/6/2015.

Bà Trần Thị Mộng Thường có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Thị Minh T2, sinh ngày 15/9/2013; Trần Hữu T3, sinh ngày: 21/6/2015, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mộng T và ông Trần T1 tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4 Nợ chung: Bà Trần Thị Mộng T và ông Trần T1 tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng T đồng ý chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Trần Thị Mộng T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001594 ngày 16-01-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Mộng T số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh. Sóc Trăng;
- VKSND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- UBND xã A, huyện C, Tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định